



HAGL Group

AMJ

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2014

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 36

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.326.881.573	6.977.778.926
110	I. Tiền		1.254.643.501	1.547.434.971
111	1. Tiền	4	1.254.643.501	1.547.434.971
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	81.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.559.910.075	4.896.625.397
131	1. Phải thu khách hàng	6	499.667.739	266.389.930
132	2. Trả trước cho người bán	7	158.406.733	174.358.988
135	3. Các khoản phải thu khác	8	4.901.835.603	4.455.876.479
140	IV. Hàng tồn kho		400.068.341	430.469.806
141	1. Hàng tồn kho	9	400.068.341	430.469.806
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		30.476.416	21.465.512
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.981.683	3.353.890
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.842.816	9.327.311
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	919.928
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		8.651.917	7.864.383
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.955.919.164	14.749.502.651
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.750.995.880	3.636.154.213
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	3.750.995.880	3.636.154.213
220	II. Tài sản cố định		490.194.536	601.569.859
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	339.258.627	345.055.354
222	Nguyên giá		440.745.072	440.944.357
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(101.486.445)	(95.889.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	74.254.428	64.469.255
228	Nguyên giá		77.360.406	67.103.840
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.105.978)	(2.634.585)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	76.681.481	192.045.250
240	III. Bất động sản đầu tư	14	14.626.150	14.751.160
241	1. Nguyên giá		15.001.180	15.001.180
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(375.030)	(250.020)
250	IV. Các khoản đầu tư dài hạn		10.643.069.118	10.434.072.301
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	10.064.072.560	10.064.072.560
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	5.000.000	5.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	16	573.996.558	364.999.741
260	V. Tài sản dài hạn khác		57.033.480	62.955.118
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	56.565.920	62.487.558
268	2. Tài sản dài hạn khác		467.560	467.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.282.800.737	21.727.281.577

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10.750.463.984	10.210.923.764
310	I. Nợ ngắn hạn		4.898.576.052	5.340.419.457
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	2.080.719.962	2.531.117.421
312	2. Phải trả người bán	19	101.177.815	45.314.463
313	3. Người mua trả tiền trước	20	502.371.797	539.864.629
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	4.078.065	36.678.722
315	5. Phải trả người lao động		8.388.481	6.689.661
316	6. Chi phí phải trả	22	199.069.418	213.643.139
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	23	1.951.347.984	1.915.062.194
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		51.422.530	52.049.228
330	II. Nợ dài hạn		5.851.887.932	4.870.504.307
333	1. Phải trả dài hạn khác		7.913.808	7.890.919
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	5.843.974.124	4.862.613.388
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.532.336.753	11.516.357.813
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	11.532.336.753	11.516.357.813
411	1. Vốn cổ phần		7.181.546.930	7.181.546.930
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.544.438.784	3.544.438.784
417	3. Quỹ đầu tư, phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		230.027.423	230.027.423
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		567.700.879	551.721.939
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		22.282.800.737	21.727.281.577

Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2014

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2014

Ngân VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	304.371.596	284.238.721	304.371.596	284.238.721
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(72.212)	(84.172)	(72.212)	(84.172)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	304.299.384	284.154.549	304.299.384	284.154.549
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(249.133.120)	(244.944.852)	(249.133.120)	(244.944.852)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.166.264	39.209.697	55.166.264	39.209.697
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	214.497.081	283.444.335	214.497.081	283.444.335
22	7. Chi phí tài chính	28	(209.741.285)	(282.057.134)	(209.741.285)	(282.057.134)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(204.425.518)	(263.798.062)	(204.425.518)	(263.798.062)
24	8. Chi phí bán hàng		(14.297.797)	(12.056.978)	(14.297.797)	(12.056.978)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(22.925.821)	(19.705.193)	(22.925.821)	(19.705.193)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		22.698.442	8.834.727	22.698.442	8.834.727
31	11. Thu nhập khác	29	1.645.946	3.270.300	1.645.946	3.270.300
32	12. Chi phí khác	29	(540.422)	(3.331.590)	(540.422)	(3.331.590)
40	13. Lãi (lỗ) khác	29	1.105.524	(61.290)	1.105.524	(61.290)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		23.803.966	8.773.437	23.803.966	8.773.437
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(6.143.855)	(4.868.437)	(6.143.855)	(4.868.437)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	(329.723)	-	(329.723)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		17.660.111	3.575.277	17.660.111	3.575.277




Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 14 tháng 5 năm 2014



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sỹ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		23.803.966	8.773.437
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11,12,14	6.246.012	5.722.526
03	Các khoản dự phòng		-	(608.150)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(214.509.543)	(282.836.424)
06	Chi phí lãi vay	28	204.425.518	263.798.062
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.965.953	(5.150.549)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(116.924.513)	423.613.753
10	Giảm hàng tồn kho		30.401.465	26.680.696
11	Tăng các khoản phải trả		14.469.867	355.043.569
12	Giảm chi phí trả trước		6.293.845	15.857.230
13	Tiền lãi vay đã trả		(212.193.727)	(86.862.072)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(38.412.157)	(3.654.645)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.307.869)	(622.985)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(298.707.136)	724.904.997
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.552.734)	(8.522.063)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		159.580	-
23	Tiền chi cho vay		(1.157.623.325)	(556.626.700)
24	Tiền thu hồi cho vay		433.936.687	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	(665.000)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		161.134.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.127.896	145.037.836
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(559.817.896)	(420.775.927)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.259.709.274	247.265.783
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.693.975.712)	(249.157.505)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		565.733.562	(1.891.722)
50	(Giảm) tăng tiền thuần trong kỳ		(292.791.470)	302.237.348
60	Tiền đầu kỳ	4	1.547.434.971	782.646.261
70	Tiền cuối kỳ	4	1.254.643.501	1.084.883.609



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi hai (22) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10 công ty con và 1 công ty liên kết) như được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 28 công ty con cấp bên dưới, trong đó, 2 công ty con đã được quyết định thanh lý.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý I năm 2014 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, rừng cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn trái phiếu;
- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi dự phòng. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị hợp lý tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

► *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hòa hoãn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

Hoàng Anh Gia Lai

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng (tiếp theo)

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Tiền gửi ngân hàng	1.253.164.059	1.546.712.424
Tiền mặt tại quý	1.474.150	711.344
Tiền đang chuyển	5.292	11.203
TỔNG CỘNG	1.254.643.501	1.547.434.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	185.769.265	101.925.189
Phải thu tiền bán căn hộ	127.127.752	90.053.163
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	121.679.357	-
Phải thu hợp đồng xây dựng	65.091.365	74.411.578
TỔNG CỘNG	499.667.739	266.389.930

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 305.849.150 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	147.894.581	131.871.026
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	10.512.152	42.487.962
TỔNG CỘNG	158.406.733	174.358.988

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 80.838.320 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	3.352.567.386	2.834.606.377
Cho vay ngắn hạn các công ty	1.359.338.409	1.271.809.824
Phải thu từ bán khoản đầu tư	139.107.600	300.241.600
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	476.164	4.062.480
Các khoản khác	50.346.044	45.156.198
TỔNG CỘNG	4.901.835.603	4.455.876.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngân VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	291.881.965	360.052.776
Sản phẩm dở dang	41.273.795	29.632.387
<i>Trong đó:</i>		
<i>Sản xuất</i>	28.710.813	10.949.406
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	12.526.982	18.508.408
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	36.000	174.573
Hàng hóa	33.351.703	23.154.428
Thành phẩm	19.953.134	11.219.900
Vật liệu xây dựng	11.999.347	4.952.734
Công cụ, dụng cụ	1.054.953	805.727
Nguyên vật liệu	553.444	651.854
TỔNG CỘNG	<u>400.068.341</u>	<u>430.469.806</u>

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV – HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013. Khoản vay này được bảo đảm bởi ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay và có lãi suất là 13% mỗi năm. Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL – AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, các tài sản của An Phú sau khi thực hiện các nghĩa vụ đảm bảo khác thì số còn lại sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngân VNĐ
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	320.323.155	60.582.987	47.848.342	3.926.700	6.689.440	1.573.733	440.944.357
Thanh lý, nhượng bán	-	(144.885)	(54.400)	-	-	-	(199.285)
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	320.323.155	60.438.102	47.793.942	3.926.700	6.689.440	1.573.733	440.745.072
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	(50.712.061)	(20.292.559)	(18.877.583)	(2.226.828)	(2.852.506)	(927.466)	(95.889.003)
Tăng trong kỳ	(2.445.621)	(1.488.015)	(1.311.652)	(114.200)	(239.808)	(50.313)	(5.649.609)
Thanh lý, nhượng bán	-	50.872	1.295	-	-	-	52.167
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	(53.157.682)	(21.729.702)	(20.187.940)	(2.341.028)	(3.092.314)	(977.779)	(101.486.445)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	269.611.094	40.290.428	28.970.759	1.699.872	3.836.934	646.267	345.055.354
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	267.165.473	38.708.400	27.606.002	1.585.672	3.597.126	595.954	339.258.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	62.188.433	4.915.407	67.103.840
Tăng trong kỳ	-	10.256.566	10.256.566
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	62.188.433	15.171.973	77.360.406
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	(2.634.585)	(2.634.585)
Tăng trong kỳ	-	(471.393)	(471.393)
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	-	(3.105.978)	(3.105.978)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	62.188.433	2.280.822	64.469.255
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	62.188.433	12.065.995	74.254.428

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	30.715.685	30.715.685
Chi phí trồng cây cao su	23.389.781	23.389.781
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	-	129.918.903
Các công trình xây dựng khác	22.576.015	8.020.881
TỔNG CỘNG	76.681.481	192.045.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	15.001.180
Tăng trong kỳ	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	<u>15.001.180</u>
Giá trị hao mòn:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	(250.020)
Tăng trong kỳ	(125.010)
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	<u>(375.030)</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>14.751.160</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	<u>14.626.150</u>

17
 GI
 HA
 GA
 LA
 CT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp và các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 3 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	Đang hoạt động	92,13	3.830.831.000	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	98,18	3.253.537.647	98,18	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,78	1.531.579.575	92,78	1.531.579.575
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,78	1.241.736.052	99,78	1.241.736.052
<i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i>						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)(i)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	977.486
TỔNG CỘNG				10.064.072.560		10.064.072.560

(i) Trước hoạt động thể hiện các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh lại ngày 31 tháng 3 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ
Công ty Đầu tư và Tư vấn Xây dựng A Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG				5.000.000			5.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu (i)	304.309.851	116.473.034
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên Seagame (ii)	104.561.755	104.561.755
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu	81.183.514	81.183.514
Các khoản đầu tư khác	83.941.438	62.781.438
TỔNG CỘNG	573.996.558	364.999.741

- (i) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.
- (ii) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên Seagame thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản Ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	<i>Đô la Mỹ</i>	
	<i>Quý I năm 2014</i>	<i>Quý I năm 2013</i>
Số dư nợ gốc đầu kỳ và cuối kỳ	4.958.949	8.958.949
Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VND)	104.561.755	186.596.994

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I năm 2014</i>	<i>Quý I năm 2013</i>
Số dư đầu kỳ	62.487.558	136.460.631
Tăng trong kỳ	199.341	304.947
Chi phí phân bổ trong kỳ	(6.120.979)	(16.614.728)
Số dư cuối kỳ	56.565.920	120.150.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm (<i>Thuyết minh số 24</i>)	594.418.433	595.012.182
Vay ngắn hạn ngân hàng	386.301.529	836.105.239
TỔNG CỘNG	<u>2.080.719.962</u>	<u>2.531.117.421</u>

19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	100.366.709	44.503.357
Phải trả nhà thầu xây dựng	811.106	811.106
TỔNG CỘNG	<u>101.177.815</u>	<u>45.314.463</u>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 23.037.185 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Khách hàng thương mại trả tiền trước	439.451.102	444.609.744
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	62.920.695	95.254.885
TỔNG CỘNG	<u>502.371.797</u>	<u>539.864.629</u>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 422.412.959 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 30</i>)	2.823.658	35.091.960
Thuế giá trị gia tăng	560.563	629.442
Thuế thu nhập cá nhân	241.637	935.842
Các khoản phải nộp khác	452.207	21.478
TỔNG CỘNG	<u>4.078.065</u>	<u>36.678.722</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí đi vay	198.884.211	206.652.420
Chi phí hoạt động	135.207	6.140.719
Các khoản khác	50.000	850.000
TỔNG CỘNG	<u>199.069.418</u>	<u>213.643.139</u>

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	1.919.851.210	1.880.917.066
Các khoản khác	31.496.774	34.145.128
TỔNG CỘNG	<u>1.951.347.984</u>	<u>1.915.062.194</u>

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trái phiếu thường	5.146.073.000	4.146.073.000
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	162.319.557	181.552.570
TỔNG CỘNG	<u>6.438.392.557</u>	<u>5.457.625.570</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm</i> <i>(Thuyết minh số 18)</i>	594.418.433	595.012.182
<i>Nợ dài hạn</i>	5.843.974.124	4.862.613.388

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Quý I năm 2013						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.935	9.285.836.422
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.575.277	3.575.277
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	802.433.212	9.289.411.699
Quý I năm 2014						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	17.660.111	17.660.111
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(1.681.171)	(1.681.171)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2014	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	230.027.423	567.700.879	11.532.336.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2014 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	718.154.693	718.154.693
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	718.154.693	718.154.693
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>718.154.693</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	718.154.693	718.154.693
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>718.154.693</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

26. DOANH THU	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu gộp	304.371.596	284.238.721	304.371.596	284.238.721
Trong đó:				
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	164.913.136	176.602.745	164.913.136	176.602.745
Doanh thu căn hộ	84.612.130	47.194.375	84.612.130	47.194.375
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	37.521.827	44.448.562	37.521.827	44.448.562
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.324.503	15.993.039	17.324.503	15.993.039
Các khoản giảm trừ doanh thu	(72.212)	(84.172)	(72.212)	(84.172)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(72.212)	(84.172)	(72.212)	(84.172)
Doanh thu thuần	304.299.384	284.154.549	304.299.384	284.154.549
Trong đó:				
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	164.913.136	176.602.745	164.913.136	176.602.745
Doanh thu căn hộ	84.612.130	47.194.375	84.612.130	47.194.375
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	37.521.827	44.448.562	37.521.827	44.448.562
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.252.291	15.908.867	17.252.291	15.908.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I			Ngàn VNĐ		
	Năm nay		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
	Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước	
Lãi cho vay	203.665.501	268.612.537	203.665.501	268.612.537		
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.488.112	14.831.798	9.488.112	14.831.798		
Thu nhập từ các khoản đầu tư	1.343.468	-	1.343.468	-		
TỔNG CỘNG	214.497.081	283.444.335	214.497.081	283.444.335		

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý I			Ngàn VNĐ		
	Năm nay		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
	Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước	
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	133.321.988	157.258.969	133.321.988	157.258.969		
Giá vốn căn hộ	68.170.811	33.302.849	68.170.811	33.302.849		
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	30.584.633	39.555.227	30.584.633	39.555.227		
Giá vốn dịch vụ cung cấp	17.055.688	14.827.807	17.055.688	14.827.807		
TỔNG CỘNG	249.133.120	244.944.852	249.133.120	244.944.852		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ		
	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
	Năm nay	Năm trước	
Chi phí lãi vay	204.425.518	263.798.062	204.425.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.106.113	1.857.825	2.106.113
Các khoản khác	3.209.654	16.401.247	3.209.654
TỔNG CỘNG	209.741.285	282.057.134	209.741.285

29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ		
	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
	Năm nay	Năm trước	
Thu nhập khác	1.645.946	3.270.300	1.645.946
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	159.580	612.410	159.580
Các khoản khác	1.486.366	2.657.890	1.486.366
Chi phí khác	(540.422)	(3.331.590)	(540.422)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(147.118)	(607.910)	(147.118)
Các khoản phạt	-	(25.294)	-
Các khoản khác	(393.304)	(2.698.386)	(393.304)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.105.524	(61.290)	1.105.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2014

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2014	Quý I năm 2013
Thuế TNDN hiện hành	6.143.855	2.723.359
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	-	2.145.078
	6.143.855	4.868.437
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	329.723
TỔNG CỘNG	6.143.855	5.198.160

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2014	Quý I năm 2013
Lợi nhuận trước thuế	23.803.966	8.773.437
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.122.649	3.438.884
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(1.318.891)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	27.926.615	10.893.430
Chi phí thuế TNDN ước tính	6.143.855	2.723.359
Trích (thừa) thiếu chi phí thuế TNDN trong các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	-	2.145.078
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	6.143.855	4.868.437
Thuế TNDN phải trả đầu năm	35.091.960	36.707.117
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(38.412.157)	(3.654.645)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	-	(22.679.433)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 21)	2.823.658	15.241.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	67.408.365
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	19.202.304
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán tài sản cố định	47.863.975
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	16.417.075
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	44.337.507
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.794.987
		Bán tài sản cố định	105.180
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Bán tài sản cố định	51.282.830
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	2.008.113
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí khác	434.647
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	24.386.875
		Bán tài sản cố định	6.837.711
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Doanh thu khác	3.100
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	11.686.354
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	7.195.791
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu hợp đồng xây dựng	627.633
		Mua thiết bị, vật tư	19.147.473
		Doanh thu khác	599.058
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí khác	238.971
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	11.748.219
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.768.812
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán tài sản cố định	13.675.421
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ	10.941.995
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	853.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	8.671.912
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	4.249.655
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí quảng cáo	3.250.000
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	406.177
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	243.723
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	3.105.237
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty con	Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.430.677
Các bên liên quan khác	Công ty con	Các khoản khác	716.095

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu khách hàng			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	66.955.587
		Phải thu hợp đồng xây dựng	37.401.626
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	52.148.296
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	48.671.743
		Bán hàng hóa và dịch vụ	724.149
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	21.125.326
		Phải thu hợp đồng xây dựng	2.962.764
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	16.052.169
		Phải thu hợp đồng xây dựng	7.211.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VNĐ</i> <i>Số dư</i>
Các khoản phải thu khách hàng (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	13.906.212
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	8.831.132
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	6.953.106
		Cung cấp dịch vụ	3.410
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	7.209.438
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	7.144.025
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	4.173.740
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	1.335.252
		Bán hàng hóa	945.337
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.093.951
TỔNG CỘNG			305.849.150
Khoản trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước dịch vụ quảng cáo	80.838.320
Các khoản phải thu khác			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	1.213.092.104
		Phải thu chuyển nhượng cổ phần	5.001.576
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	743.386.875
		Chi phí trả hộ	585.574
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	476.229.666
		Chi phí trả hộ	113.520
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	386.446.565
		Chi phí trả hộ	87.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý I năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản phải thu khác (tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	213.064.580
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	159.298.877
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	51.328.116
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	29.864.209
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	24.125.417
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	18.998.319
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho mượn tạm	18.791.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Cho mượn tạm	11.314.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	838.988
TỔNG CỘNG			<u>3.352.567.386</u>
<i>Các khoản phải trả người bán</i>			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	21.274.928
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	531.520
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	422.217
TỔNG CỘNG			<u>23.037.185</u>
<i>Các khoản người mua trả tiền trước</i>			
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	101.826.530
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	94.517.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản người mua trả tiền trước (tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đăk Lăk	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	65.680.257
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	52.070.000
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	44.558.711
		Ứng trước tiền xây dựng	5.440.930
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	41.418.762
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	10.060.785
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	6.839.894
TỔNG CỘNG			<u>422.412.959</u>
<i>Phải trả khác</i>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	1.280.467.238
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	493.308.279
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	71.529.380
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Công ty con	Vay mượn tạm	54.442.203
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	5.802.038
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Miền Trung	Công ty con	Vay mượn tạm	3.950.256
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Vay mượn tạm	450.000
TỔNG CỘNG			<u>1.919.851.210</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2014

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng.



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 14 tháng 5 năm 2014



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc